

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2874/QĐ-HVBCTT, ngày 25/8/2017
của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)*

Tên chương trình đào tạo : **Quan hệ quốc tế và Truyền thông toàn cầu**
Ngành đào tạo : **Quan hệ quốc tế**
Mã số : **52 31 02 06**
Hình thức đào tạo : **Chính quy**

1. Mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra

1.1. Mục tiêu đào tạo

Mục tiêu đào tạo hướng đến nâng cao chất lượng đào tạo Quan hệ quốc tế và truyền thông toàn cầu ở trình độ đại học, cung cấp cho người học một chương trình đào tạo và học tập có chất lượng đạt tiêu chuẩn quốc tế, hướng đến đào tạo sinh viên năng động và có ngoại ngữ tốt, đảm bảo chuẩn đầu ra cao hơn chương trình đào tạo đại trà tương ứng, đáp ứng mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực có tính cạnh tranh cao thời kỳ hội nhập.

Đào tạo cử nhân chất lượng cao chuyên ngành Quan hệ quốc tế và truyền thông toàn cầu, ngành Quan hệ quốc tế có lập trường chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức phục vụ nhân dân, nắm vững kiến thức về quan hệ quốc tế với chuyên môn và kỹ năng thực hành về truyền thông quốc tế và đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam.

Sinh viên tốt nghiệp có thể đảm đương các công việc truyền thông quốc tế, quan hệ quốc tế phù hợp tại các Bộ, Ban, ngành trung ương, địa phương, các tổ chức chính trị, xã hội, nghề nghiệp và các doanh nghiệp; các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ; nghiên cứu về truyền thông quốc tế, quan hệ quốc tế tại các cơ sở nghiên cứu và đào tạo; hoặc thực hiện các chức trách đòi hỏi sự hiểu biết cơ bản, hệ thống kiến thức và kỹ năng nghiệp vụ truyền thông quốc tế, thông tin đối ngoại, quan hệ đối ngoại; đồng thời có thể tự học để nâng cao trình độ hoặc tiếp tục được đào tạo ở trình độ sau đại học.

Sau khi kết thúc 04 năm theo học chương trình, người học có trình độ chuyên môn bậc đại học về chuyên ngành Quan hệ quốc tế và truyền thông toàn cầu, có khả năng thực hiện chức trách phóng viên quốc tế, biên tập viên tại các loại hình báo chí khác nhau, có những kiến thức nền tảng trong quan hệ quốc tế hiện đại; làm cán bộ nghiên cứu giảng dạy tại các cơ sở nghiên cứu khoa học, đào tạo cán bộ báo chí và truyền thông đại chúng, làm cán bộ chức năng trong các cơ quan lãnh đạo, quản lý thông tin báo chí hoặc thực hiện các chức trách công tác về quan hệ quốc tế, đòi hỏi sự hiểu biết có hệ thống, cơ bản về lý luận và kỹ năng nghiệp vụ báo chí, quan hệ quốc tế; có thể tác nghiệp độc lập và năng động ở môi trường truyền thông quốc tế đồng thời có thể tự học để nâng cao trình độ hoặc tiếp tục được đào tạo ở trình độ sau đại học.

1.2. Chuẩn đầu ra

- Về kiến thức:

Có hiểu biết cơ bản, hệ thống về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhất là đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về quan hệ quốc tế và đối ngoại. Có hiểu biết nhất định về những quan điểm, tư tưởng khác nhau và cách thức, phương pháp đấu tranh với quan điểm sai trái đi ngược lại lợi ích dân tộc.

Có kiến thức văn hóa tổng hợp, kiến thức về các khoa học xã hội và nhân văn, về đất nước và con người Việt Nam, về lịch sử, truyền thống, tâm lý, văn hóa dân tộc.

Có kiến thức chuyên sâu về quan hệ quốc tế: lịch sử quan hệ quốc tế; lý luận quan hệ quốc tế; bản chất, nội dung, hình thức các mối quan hệ quốc tế; các vấn đề cơ bản trong quan hệ quốc tế. Có kiến thức vững vàng về đường lối, chính sách đối ngoại của Việt Nam và các nước trên thế giới, ngoại giao và nghiệp vụ ngoại giao.

Có kiến thức sâu sắc về quan hệ chính trị và truyền thông quốc tế, đối ngoại công chúng, các tổ chức, phong trào chính trị xã hội quốc tế, kinh tế quốc tế và luật pháp quốc tế. Có kiến thức cơ bản về thông tin đối ngoại, quan hệ công chúng, về báo chí và các phương tiện truyền thông đại chúng.

- Về kỹ năng

Có những kỹ năng cơ bản về nghiệp vụ báo chí đối ngoại, nghiệp vụ đối ngoại, ngoại giao như giao tiếp, ứng xử, đàm phán, phát ngôn. Có thể triển khai và thực hiện các hoạt động đối ngoại như xây dựng kế hoạch đối ngoại, nghiệp vụ văn phòng đối ngoại. Biết cách tổ chức, quản lý, giám sát, tham mưu, tư vấn cho lãnh đạo các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp về đối ngoại và hợp tác quốc tế. Biết cách sử dụng, quan hệ với các phương tiện truyền thông đại chúng trong hoạt động đối ngoại.

+ Nhóm kỹ năng mềm bao gồm:

- Kỹ năng tổng hợp và phân tích tin tức quốc tế, đưa tin,
- Kỹ năng tổ chức họp báo, tổ chức sự kiện, quảng bá, tuyên truyền đối ngoại, kỹ năng xây dựng chiến lược truyền thông, quản lý khủng hoảng truyền thông, quan hệ công chúng,
- Kỹ năng trao đổi văn hóa và giao tiếp liên văn hóa, tác nghiệp ngoại giao văn hóa,
- Kỹ năng thiết kế các sản phẩm truyền thông, quảng cáo,
- Kỹ năng tiếng Anh, (hoặc tiếng Pháp) chuyên ngành,
- Kỹ năng nghiên cứu khoa học,
- Kỹ năng tư duy phản biện,
- Kỹ năng làm việc độc lập, kỹ năng làm việc nhóm,
- Kỹ năng quản lý, chủ trì hội nghị, thiết kế chương trình nghị sự,
- Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin...
- Về phẩm chất chính trị, đạo đức:

Có bản lĩnh chính trị vững vàng, yêu nước, trung thành với mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, với chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ

Chí Minh. Tích cực tham gia xây dựng và thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư. Trung thực và thẳng thắn, khiêm tốn, giản dị, lời nói đi đôi với việc làm. Có quan điểm quần chúng đúng đắn. Có ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần trách nhiệm trong công tác, có tình yêu nghề nghiệp.

- *Về năng lực ngoại ngữ và tin học:*

Cử nhân của chương trình phải đạt chuẩn về trình độ ngoại ngữ và tin học theo công bố chung về chuẩn đầu ra của Học viện Báo chí và Tuyên truyền. Cụ thể như sau:

+ Trình độ ngoại ngữ: Người học khi tốt nghiệp đạt trình độ ngoại ngữ B2 khung châu Âu (tương đương 700 điểm TOEIC hoặc 550 điểm TOEFL pBT hoặc 79 điểm TOEFL iBT hoặc 6.5 điểm IELTS).

+ Trình độ Tin học: Người học sau khi tốt nghiệp có kiến thức tin học ứng dụng trình độ B theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo, có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong thực tiễn công tác.

- *Về năng lực chuyên môn:*

+ Năng lực dẫn dắt, lãnh đạo (leadership) và năng lực làm việc nhóm: sinh viên đầu ra có đầy đủ các kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm để phát huy tốt các năng lực dẫn dắt, lãnh đạo và làm việc nhóm trong các môi trường làm việc tương lai.

+ Năng lực thích nghi nhanh chóng với môi trường công tác: người học sẽ có tư thế chủ động trong việc thích nghi với công việc mới, môi trường mới một cách nhanh nhất, tạo lợi thế tốt trong cạnh tranh tại các môi trường làm việc.

- *Về năng lực dẫn dắt và làm việc nhóm*

Năng lực dẫn dắt, lãnh đạo (leadership) và năng lực làm việc nhóm: sinh viên đầu ra có đầy đủ các kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm để phát huy tốt các năng lực dẫn dắt, lãnh đạo và làm việc nhóm trong các môi trường làm việc tương lai.

- *Về khả năng thích nghi với môi trường công tác*

Năng lực thích nghi nhanh chóng với môi trường công tác: người học sẽ có tư thế chủ động trong việc thích nghi với công việc mới, môi trường mới một cách nhanh nhất, tạo lợi thế tốt trong cạnh tranh tại các môi trường làm việc.

- *Vị trí làm việc tốt nghiệp:*

Đảm đương các công việc đối ngoại, thông tin đối ngoại và hợp tác quốc tế phù hợp tại các Bộ, Ban, ngành trung ương, địa phương, các tổ chức chính trị, xã hội, nghề nghiệp và các doanh nghiệp; các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ; nghiên cứu về quan hệ quốc tế tại các cơ sở nghiên cứu và đào tạo; hoặc thực hiện các chức trách đòi hỏi sự hiểu biết cơ bản, hệ thống kiến thức và kỹ năng nghiệp vụ quan hệ quốc tế, đối ngoại, thông tin đối ngoại, báo chí, truyền thông quốc tế; đồng thời có thể tự học để nâng cao trình độ hoặc tiếp tục được đào tạo ở trình độ sau đại học.

2. Thời gian đào tạo

Tổng thời gian đào tạo: tối đa 6 năm (đối với sinh viên không thuộc đối tượng ưu tiên trong đào tạo)

3. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 150 tín chỉ kể cả Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng.

4. Đối tượng tuyển sinh

Mọi công dân Việt Nam không phân biệt dân tộc, tôn giáo, giới tính đều có thể dự thi vào ngành Quan hệ quốc tế, chuyên ngành Quan hệ quốc tế và Truyền thông toàn cầu nếu có đủ các điều kiện sau.

+ Đã tốt nghiệp Trung học Phổ thông;

+ Thí sinh đã trúng tuyển vào Học viện Báo chí tất cả các ngành có nhu cầu theo học chương trình chất lượng cao, đáp ứng được yêu cầu Tiếng Anh đầu vào và tự nguyện tham gia vào chương trình đào tạo chất lượng cao chuyên ngành Kinh tế và Quản lý;

+ Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định tại Thông tư liên Bộ Y tế - Đại học, Trung học chuyên nghiệp và Dạy nghề (nay là Bộ Giáo dục và Đào tạo) số 10/TTLB ngày 18/8/1989 và Công văn hướng dẫn số 2445/TS ngày 20/8/1990 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, không trong thời gian can án hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

+ Thí sinh là người nước ngoài được tuyển sinh theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và đào tạo

5. Điều kiện tốt nghiệp

Theo quy định hiện hành của Học viện Báo chí và Tuyên truyền và quy định riêng biệt trong quy chế đào tạo dành cho các sinh viên theo hệ thống chương trình chất lượng cao. Sinh viên phải hoàn thành tất cả các học phần bắt buộc và học phần tự chọn theo yêu cầu của chương trình đào tạo, tổng thời lượng kiến thức là 150 tín chỉ chưa kể giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng.

6. Thang điểm

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức và cách thức theo quy định tại Điều 24 Quy định đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ (Ban hành theo Quyết định số 3307/QĐ – HVBCCTT ngày 12 tháng 9 năm 2014 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

7. Cấu trúc chương trình

Chương trình bao gồm 150 tín chỉ, kể cả Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng.

Khối kiến thức giáo dục đại cương	54
- Khoa học Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh	13 tín chỉ
- Khoa học xã hội và nhân văn	11 tín chỉ
<i>Bắt buộc</i>	<i>7 tín chỉ</i>
<i>Tự chọn</i>	<i>4 tín chỉ</i>
- Khoa học tự nhiên: Tin học ứng dụng	3 tín chỉ
- Ngoại ngữ: Tiếng Anh	15 tín chỉ
Giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng	12
<i>Bắt buộc</i>	<i>11</i>
<i>Tự chọn</i>	<i>1</i>
Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	71
- Kiến thức cơ sở ngành	12 tín chỉ
<i>Bắt buộc:</i>	<i>08 tín chỉ</i>
<i>Tự chọn:</i>	<i>04 tín chỉ</i>
- Kiến thức ngành	14 tín chỉ
<i>Bắt buộc:</i>	<i>10 tín chỉ</i>
<i>Tự chọn:</i>	<i>04 tín chỉ</i>
- Kiến thức chuyên ngành	35 tín chỉ
<i>Bắt buộc:</i>	<i>30 tín chỉ</i>
<i>Tự chọn:</i>	<i>05 tín chỉ</i>
- Kiến thức bổ trợ	10 tín chỉ
<i>Bắt buộc:</i>	<i>06 tín chỉ</i>
<i>Tự chọn:</i>	<i>04 tín chỉ</i>
Khối kiến thức Kiến tập, Thực tập, Tốt nghiệp	25
- Kiến tập	5 tín chỉ
- Thực tập nghề nghiệp	10 tín chỉ
- Sản phẩm tốt nghiệp	10 tín chỉ

Nội dung chương trình

TT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Phân bổ		Điều kiện tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	
Khối kiến thức giáo dục đại cương			54			
<i>Khoa học Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh</i>			13			
1.	TM51001	Triết học Mác- Lênin	3.0	2.0	1.0	
2.	KT51001	Kinh tế chính trị Mác- Lênin	3.0	2.0	1.0	
3.	CN51001	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.0	1.5	0.5	
4.	LS51001	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3.0	2.0	1.0	
5.	TH51001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.0	1.5	0.5	
<i>Khoa học xã hội và nhân văn</i>			11			
<i>Bắt buộc</i>			<i>7</i>			
6.	NP51001	Pháp luật đại cương	3.0	2.0	1.0	
7.	CT51001	Chính trị học đại cương	2.0	1.5	0.5	

8.	QT51001	Quan hệ quốc tế đại cương	2.0	1.5	0.5	
<i>Tự chọn</i>			<i>4/12</i>			
9.	TG51002	Tâm lý học đại cương	2.0	1.5	0.5	
10.	XH51001	Xã hội học đại cương	2.0	1.5	0.5	
11.	TT51001	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2.0	1.5	0.5	
12.	TG51001	Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn	2.0	1.5	0.5	
13.	TT51002	Lịch sử văn minh thế giới	2.0	1.5	0.5	
14.	CT51002	Khoa học chính sách công	2.0	1.5	0.5	
Khoa học tự nhiên			3			
15.	ĐC51003	Tin học ứng dụng	3.0	1.0	2.0	
Ngoại ngữ			15			
16.	NN51011	Tiếng Anh học phần 1	4.0	2.0	2.0	
17.	NN51012	Tiếng Anh học phần 2	3.0	1.5	1.5	
18.	NN51013	Tiếng Anh học phần 3	4.0	2.0	2.0	
19.	NN51014	Tiếng Anh học phần 4	4.0	2.0	2.0	
Giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng			12			
<i>Bắt buộc</i>			<i>11</i>			
20.	ĐC01015	Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất	1.0	1.0	0	
21.	ĐC01016	Kỹ thuật các môn điền kinh	1.0	0	1.0	
22.	ĐC01017	Các bài tập thể dục cơ bản	1.0	0	1.0	
23.	QA51005	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	2.0	2.0	0	
24.	QA51006	Công tác quốc phòng và an ninh	2.0	1.5	0.5	
25.	QA51007	Quân sự chung, chiến thuật, kỹ thuật bắn súng ngắn và sử dụng lựu đạn	3.0	1.0	2.0	
26.	QA51008	Hiểu biết chung về quân, binh chủng	1.0	0.5	0.5	
<i>Tự chọn</i>			<i>1/4</i>			
27.	ĐC51018	Bóng chuyền	1.0	0	1.0	
28.	ĐC51019	Bóng rổ	1.0	0	1.0	
29.	ĐC51020	Võ thuật	1.0	0	1.0	
30.	ĐC51021	Aerobic	1.0	0	1.0	
Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			96			
Kiến thức cơ sở ngành			12			
<i>Bắt buộc</i>			<i>8</i>			
31.	QT52008	Thông tin đối ngoại Việt Nam	2.0	1.5	0.5	
32.	QT52007	Thế chế chính trị thế giới	2.0	1.5	0.5	
33.	QT52001	Địa chính trị thế giới	2.0	1.5	0.5	
34.	QT52004	Lịch sử ngoại giao Việt Nam	2.0	1.0	1.0	
<i>Tự chọn</i>			<i>4/8</i>			
35.	QT56007	Quan hệ công chúng quốc tế	2.0	1.5	0.5	
36.	QT56002	Kinh tế đối ngoại Việt Nam	2.0	1.5	0.5	
37.	QT52005	Ngoại giao kinh tế và văn hóa	2.0	1.5	0.5	

38.	QT52002	Đông phương học	2.0	1.5	0.5	
Kiến thức ngành			14			
<i>Bắt buộc</i>			<i>10</i>			
39.	QT53009	Lịch sử quan hệ quốc tế	3.0	2.0	1.0	
40.	QT53002	Chính sách đối ngoại của một số nước trên thế giới	3.0	2.0	1.0	
41.	QT53010	Lý luận quan hệ quốc tế	2.0	1.5	0.5	
42.	QT53003	Chính sách đối ngoại Việt Nam	2.0	1.5	0.5	
<i>Tự chọn</i>			<i>4/8</i>			
43.	QT53013	Ngoại giao và nghiệp vụ ngoại giao	2.0	1.5	0.5	
44.	QT56004	Luật pháp quốc tế	2.0	1.5	0.5	
45.	QT53014	Quan hệ quốc tế khu vực Châu Á – Thái Bình Dương	2.0	1.5	0.5	
46.	QT53019	Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế	2.0	1.5	0.5	
Kiến thức chuyên ngành			35			
<i>Bắt buộc</i>			<i>30</i>			
47.	QT53020	Truyền thông thời đại toàn cầu hóa	3.0	2.0	1.0	
48.	QT56005	Lý luận báo chí quốc tế và báo chí toàn cầu	3.0	2.0	1.0	
49.	QT56006	Lý thuyết và thực hành truyền thông quốc tế	3.0	2.0	1.0	
50.	QT53008	Lao động nhà báo quốc tế	3.0	1.5	1.5	
51.	QT53016	Thông tấn báo chí đối ngoại	3.0	1.5	1.5	
52.	QT53001	Chính luận báo chí đối ngoại	3.0	1.5	1.5	
53.	QT53018	Tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông quốc tế	3.0	1.5	1.5	
54.	QT53017	Tổ chức hoạt động đối ngoại	3.0	1.5	1.5	
55.	QT56008	Tiếng Anh chuyên ngành (1)	3.0	1.5	1.5	
56.	QT56009	Tiếng Anh chuyên ngành (2)	3.0	1.5	1.5	
<i>Tự chọn</i>			<i>5/13</i>			
57.	QT56010	Tiếng Anh chuyên ngành (3)	3.0	1.5	1.5	
58.	QT53007	Kỹ thuật, nghiệp vụ báo chí đối ngoại	2.0	1.0	1.0	
59.	QT53005	Kỹ năng giao tiếp liên văn hoá	2.0	1.0	1.0	
60.	QT53006	Kỹ năng thu thập và xử lý thông tin	2.0	1.0	1.0	
Kiến thức bổ trợ			10			
<i>Bắt buộc</i>			<i>6</i>			
61.	QT53011	Nghệ thuật phát biểu và phát ngôn đối ngoại	2.0	1.0	1.0	
62.	QT53021	Xây dựng hình ảnh và thương hiệu quốc tế	2.0	1.0	1.0	
63.	QT53004	Giao tiếp và đàm phán quốc tế	2.0	1.0	1.0	
<i>Tự chọn</i>			<i>4/8</i>			
64.	QT56003	Kỹ năng quản trị truyền thông quốc tế	2.0	1.0	1.0	
65.	QT53015	Quản lý báo chí đối ngoại	2.0	1.0	1.0	

66.	QT53012	Nghiệp vụ lễ tân và văn phòng đối ngoại	2.0	1.0	1.0	
67.	QT56001	Biên phiên dịch tiếng Anh chuyên ngành	2.0	1.0	1.0	
Kiến tập, thực tập, khóa luận tốt nghiệp			25			
68.	QT54017	<i>Thực tế kinh tế - xã hội (trong nước hoặc nước ngoài)</i>	5.0	1.0	4.0	
69.	QT54018	Thực tập nghề nghiệp	10.0	1.0	9.0	
70.	QT54119	Khóa luận tốt nghiệp	10.0	1.0	9.0	
Tổng			150			

7. Kế hoạch giảng dạy

- Năm học thứ 1: Sinh viên học chương trình đại cương. Cùng lúc đó, sinh viên được hướng dẫn chủ động chuẩn bị năng lực tiếng Anh phục vụ cho quá trình đào tạo tiếp sau.

- Năm thứ 2: Sinh viên học các môn học cơ sở ngành về Quan hệ quốc tế và Truyền thông toàn cầu.

- Năm thứ 3: Sinh viên được sắp xếp kiến tập tại các cơ sở thực tế, song song với học các môn học liên quan đến chuyên ngành Quan hệ quốc tế và Truyền thông toàn cầu theo kế hoạch.

- Năm thứ 4: Sinh viên được đào tạo các kiến thức chuyên ngành chuyên sâu về Quan hệ quốc tế và Truyền thông toàn cầu, và được sắp xếp thực tập nghề nghiệp tại các cơ sở có liên kết.

TT	Môn học	Ngôn ngữ giảng dạy	Mã môn	Tín chỉ	Ghi chú
	Kỳ 1 (22 tuần)			17	Tự chọn 4/12 tín chỉ
1	Triết học Mác-Lênin	Tiếng Việt	TM01001	3	
2	Pháp luật đại cương	Tiếng Việt	NP01001	3	
3	Chính trị học đại cương	Tiếng Việt	CT01001	2	
4	Tiếng Anh học phần 1	Tiếng Anh	NN01015	3	
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Tiếng Việt	TH01001	2	
5	Tâm lý học đại cương	Tiếng Việt	TG01006	2	Tự chọn
6	Xã hội học đại cương	Tiếng Việt	XH01001	2	Tự chọn
7	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Tiếng Việt	TT01002	2	Tự chọn

8	Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn	Tiếng Việt	TG01004	2	Tự chọn
9	Lịch sử văn minh thế giới	Tiếng Việt	TT01001	2	Tự chọn
10	Khoa học chính sách công	Tiếng Việt	CT01003	2	Tự chọn
11	Giáo dục thể chất	Tiếng Việt		-	
	Kỳ 2 (22 tuần)			17	
1	Kinh tế Chính trị Mác Lê Nin	Tiếng Việt	KT01001	3	
2	Tin học ứng dụng	Tiếng Việt	ĐC01005	3	
3	Tiếng Anh học phần 2	Tiếng Anh	NN01016	4	
4	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Tiếng Việt	LS01001	3	
5	Quan hệ quốc tế đại cương	Tiếng Việt	QT01001	2	
6	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Tiếng Việt	CN01002	2	
7	Giáo dục thể chất	Tiếng Việt		-	
8	Giáo dục quốc phòng	Tiếng Việt		-	
	Kỳ 3			16	Tự chọn 4/8 tín chỉ
1	Thông tin đối ngoại Việt Nam	Tiếng Việt	QT01002	2	
2	Thế chế chính trị thế giới	Tiếng Việt	CT01003	2	
3	Địa chính trị thế giới	Tiếng Việt	QT02552	2	
4	Lịch sử ngoại giao Việt Nam	Tiếng Việt	QT02556	3	
5	Tiếng Anh học phần 3	Tiếng Anh	NN01017	3	
6	Quan hệ công chúng quốc tế	Tiếng Anh	QT02555	2	Tự chọn

7	Kinh tế đối ngoại Việt Nam	Tiếng Anh	QT01004	2	Tự chọn
8	Ngoại giao kinh tế và văn hóa	Tiếng Việt		2	Tự chọn
9	Đông phương học	Tiếng Việt		2	Tự chọn
10	Giáo dục thể chất	Tiếng Việt		-	
	Kỳ 4			19	
1	Lịch sử quan hệ quốc tế	Tiếng Việt	QT02551	3	
2	Chính sách đối ngoại của một số nước trên thế giới	Tiếng Việt	QT02553	3	
3	Truyền thông thời đại toàn cầu hóa	Tiếng Việt		3	
4	Lý luận báo chí quốc tế và báo chí toàn cầu	Tiếng Anh		3	
5	Tiếng Anh chuyên ngành (1)	Tiếng Anh		4	
6	Lao động nhà báo quốc tế	Tiếng Việt		3	
7	Giáo dục thể chất	Tiếng Việt		-	
	Kỳ 5			18	Tự chọn: 4/8 tín chỉ
1	Lý luận quan hệ quốc tế	Tiếng Việt	QT03561	2	
2	Tiếng Anh chuyên ngành (2)	Tiếng Anh		4	
3	Ngoại giao và nghiệp vụ ngoại giao	Tiếng Việt	QT03563	2	Tự chọn
4	Luật pháp quốc tế	Tiếng Việt	QT03603	2	Tự chọn
5	Quan hệ quốc tế khu vực Châu Á – Thái Bình Dương	Tiếng Việt		2	Tự chọn
6	Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế	Tiếng Việt		2	Tự chọn
7	Lý thuyết và thực hành truyền thông quốc tế	Tiếng Anh		3	
8	Thông tấn báo chí đối ngoại	Tiếng Việt		3	
9	Xây dựng hình ảnh và thương hiệu quốc tế	Tiếng Việt	QT03582	2	

	Kỳ 6			16	Tự chọn 7/13
1	Thực tập kinh tế - xã hội	Tiếng Việt		5	
2	Nghệ thuật phát biểu và phát ngôn đối ngoại	Tiếng Việt		2	
3	Chính sách đối ngoại Việt Nam	Tiếng Việt	QT03562	2	
4	Tiếng Anh chuyên ngành (3)	Tiếng Anh		4	Tự chọn
5	Kỹ thuật, nghiệp vụ báo chí đối ngoại	Tiếng Anh	QT03579	3	Tự chọn
6	Kỹ năng giao tiếp liên văn hoá	Tiếng Việt	QT03580	3	Tự chọn
7	Kỹ năng thu thập và xử lý thông tin	Tiếng Việt	QT03581	3	Tự chọn
	Kỳ 7 (22 tuần)			15	Tự chọn 4/8
1	Tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông quốc tế	Tiếng Việt		3	
2	Giao tiếp và đàm phán quốc tế	Tiếng Việt	QT03583	2	
3	Tổ chức hoạt động đối ngoại	Tiếng Việt		3	
4	Chính luận báo chí đối ngoại			3	
5	Kỹ năng quản trị truyền thông quốc tế	Tiếng Việt		2	Tự chọn
5	Quản lý báo chí đối ngoại	Tiếng Việt		2	Tự chọn
6	Nghiệp vụ lễ tân và văn phòng đối ngoại	Tiếng Việt	QT03584	2	Tự chọn
7	Biên phiên dịch tiếng Anh chuyên ngành	Tiếng Việt	QT03592	2	Tự chọn
	Kỳ 8 (22 tuần)			20	
1	Thực tập nghề nghiệp	Tiếng Việt		10	
2	Sản phẩm tốt nghiệp	Tiếng Việt		10	
	Tổng số học phần			138	

8. Hướng dẫn thực hiện chương trình

Chương trình đào tạo ngành Quan hệ quốc tế, chuyên ngành Quan hệ quốc tế và Truyền thông toàn cầu được thiết kế và xây dựng trên đây gồm 138 tín chỉ

đào tạo, chưa tính Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng. Các môn học trong toàn bộ chương trình được sắp xếp theo trình tự những loại kiến thức do mục tiêu đào tạo, và chuẩn đầu ra yêu cầu.

Khi thực hiện, các môn học được bố trí giảng dạy theo kế hoạch giảng dạy của Học viện Báo chí và Tuyên truyền trong vòng 8 học kỳ. Các môn học của từng học kỳ được sắp xếp theo trình tự nghiêm ngặt để các môn học của kỳ trước làm nền tảng kiến thức cho các môn học của kỳ sau tới khi sinh viên hoàn tất quá trình đào tạo chính quy tập trung của mình. Mỗi học kỳ, sinh viên học khoảng 15 - 17 tín chỉ, tuy vậy cũng có những học kỳ cá biệt khi sinh viên học nhiều hơn hoặc ít hơn nhưng không nhiều so với số lượng tín chỉ thông thường do những yêu cầu đặc thù của thời gian đào tạo đó như kỳ học có liên quan đến thời gian thực tập cuối khóa với số lượng tín chỉ học tập trung giảm đi.

Căn cứ vào kế hoạch giảng dạy của từng học kỳ và Quy chế tổ chức, quản lý đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Học viện Báo chí và Tuyên truyền, sinh viên đăng ký môn học theo từng học kỳ (Quy trình đăng ký môn học) dưới sự hướng dẫn của Cố vấn học tập. Các môn học như Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng, và các môn học chung toàn trường sẽ được tổ chức học tập theo kế hoạch chung của Ban Quản lý Đào tạo.

Việc giảng dạy từng môn học trong toàn bộ chương trình đào tạo sẽ được giảng viên thực hiện theo Đề cương chi tiết môn học do các Tổ chuyên môn soạn thảo đã được Trường Khoa xem xét đề xuất, Ban Giám đốc Học viện thông qua.

Tất cả giảng viên của chương trình đều được xét duyệt theo tiêu chuẩn của giảng viên Chương trình đào tạo chất lượng cao được Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tại Thông tư 23/2014/TT-BGDĐT.

* *Khối lượng kiến thức toàn khóa*: 138 tín chỉ

- Năm học thứ 1: Sinh viên học các môn đại cương và một số môn của cơ sở ngành và ngành. Cùng lúc đó, sinh viên được hướng dẫn chủ động chuẩn bị năng lực tiếng Anh phục vụ cho quá trình đào tạo tiếp sau;

- Năm thứ 2: Sinh viên học các môn thuộc kiến thức ngành, một số môn chuyên ngành và đi thực tế một số môn học mang tính chất thực hành;

- Năm thứ 3: Sinh viên được sắp xếp thực tập nghiệp vụ (kiến tập) tại các cơ sở thực tế, song song với học các môn thuộc kiến thức chuyên ngành;

- Năm thứ 4: Sinh viên được đào tạo các kiến thức chuyên sâu về truyền thông quốc tế, và được sắp xếp thực tập nghề nghiệp tại cơ sở.

Về cơ sở vật chất phục vụ đào tạo: Học viện Báo chí và Tuyên truyền có trụ sở tại 36 Xuân Thủy, Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, với tổng diện tích mặt bằng là 80.464m², trong đó diện tích sử dụng là 57.310m². Hiện tại, Học viện đã hoàn thành xây dựng khu nhà hành chính 11 tầng với diện tích sử dụng 10.000m² là nơi làm việc của Ban Giám đốc và các khoa, phòng trong nhà trường.

Để phục vụ giảng dạy và học tập cho sinh viên, Học viện có hệ thống giảng đường với 1 giảng đường lớn 500 chỗ ngồi, 1 giảng đường 200 chỗ, 02 giảng đường 100 chỗ, 04 giảng đường 60 - 180 chỗ, 42 phòng học có từ 30 - 40 chỗ ngồi khu giảng đường 5 tầng gồm 30 phòng học. Đã có trên 80% số phòng học được lắp đặt máy chiếu và máy tính phục vụ giảng dạy. Tất cả các giảng đường, phòng

học có từ 60 chỗ ngồi trở lên đều được lắp đặt hệ thống trang âm. Học viện có 3 phòng học ngoại ngữ, 05 phòng giảng dạy và thực hành máy tính. Ngoài ra, Học viện còn có phòng dựng phim, phòng máy photocopy, máy in siêu tốc...

Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy các môn học trong chương trình

TT	Loại phòng học (giảng đường, phòng học đa phương tiện, phòng học ngoại ngữ, phòng máy tính...)	Số lượng	Diện tích	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy		
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ môn học
1	Phòng 201- B1: Ảnh báo chí	1	50m ²	- Máy ảnh Canon EOS D1200. - Máy ảnh Nikon D800. - Máy tính bàn DELL.	10 cái 01 cái 01 bộ	- Lao động nhà báo quốc tế - Thông tấn báo chí quốc tế - Chính luận báo chí đối ngoại - Tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông quốc tế
2	Phòng 202 – B1: Xuất bản báo in	1	75m ²	- Máy tính bàn. - Máy chủ DELL. - Máy in. - Máy chiếu. - Âm thanh.	26 bộ 01 cái 03 cái 01 bộ 01 bộ	- Lao động nhà báo quốc tế - Thông tấn báo chí quốc tế - Chính luận báo chí đối ngoại - Tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông quốc tế
3	Phòng 203 - B1: Giảng đường lớn	1	100m ²	- Máy chiếu. - Âm thanh.	01 bộ 1 ộ	-Tất cả các môn học
4	Phòng 204 - B1: Thảo luận	1	50m ²	- Máy chiếu.	01 bộ	-Tất cả các môn học
5	Phòng 205 - B1: Trực tuyến	1	75m ²	- Camera trực tuyến ipela hd sony.	1 bộ 1 bộ	

				- Âm thanh jupiter.	4 cái	
				- Micro Audio Technican.	2 cái	
				- Bộ thu phát Audio Technican.	1 cái	
				- Tivi 32 inches samsung.	1 bộ	
				- Máy chiếu Mega power.		

Phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành và trang thiết bị phục vụ thực hành các môn học

TT	Loại phòng học (giảng đường, phòng học đa phương tiện, phòng học ngoại ngữ, phòng máy tính...)	Số lượng	Diện tích	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy		
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ môn học
1	Phòng 201 – 202: Phát thanh – Thu thanh	1		Bộ trộn tín hiệu. Micro. Loa kiểm âm. Máy ghi âm KTS.	02 bộ 08 chiếc 02 cái 05 cái	- Lao động nhà báo quốc tế - Thông tấn báo chí quốc tế - Chính luận báo chí đối ngoại - Tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông quốc tế
2	Phòng 102 – 204: Trường quay	1		Máy quay EX1 SONY. Máy quay PMW 320 SONY. Máy quay	02 chiếc 01 chiếc 01	- Lao động nhà báo quốc tế - Thông tấn báo chí quốc tế - Chính luận báo chí đối ngoại - Tổ chức sản xuất sản

				NX30P SONY. Bộ bàn trộn hình Full HD. Bộ ghi hình Full HD. Mixer Audio YAMAHA. Mixer Video SONY. Tivi sony LCD 60 inchs Tivi Samsung 32 inchs. Cầu (Boom Camera). Ray (Doll Camera). Bàn trường quay. Bàn Sofa.	chiếc 01 bộ 01 bộ 01 bộ 01 bộ 01 cái 01 cái 01 cái 01 cái 01 cái 01 bộ	phẩm truyền thông quốc tế - Nghệ thuật phát biểu miệng – phát ngôn đối ngoại
3	Phòng 205: Phòng dựng phim.	1		Máy quay DVCAM 250P. Máy quay HDV-HD 1000P. Máy quay MD 10000. Máy quay MD 9000. Máy tínhbàn.	03 07 06 09 08	- Lao động nhà báo quốc tế - Thông tấn báo chí quốc tế - Chính luận báo chí đối ngoại - Tổ chức sản xuất sản phẩm truyền thông quốc tế
4	Phòng 101: Phòng Lab	1		Máy tínhbàn. Máy chiếu. Tai nghe.	33 bộ 01 bộ 33 cái	-Tiếng Anh học phần 1;2;3 - Tiếng Anh chuyên ngành 1;2;3
5	Phòng 104: Phòng Lab	1		-Máy tính bàn.	33 bộ 01 bộ	Tiếng Anh học phần 1;2;3

				-Máy chiếu. -Tai nghe.	33 cái	- Tiếng Anh chuyên ngành 1;2;3
6	Phòng 103: Phòng Lab	1		-Máy tính bàn. -Máy chiếu. -Tai nghe.	25 bộ 01 bộ 25 cái	Tiếng Anh học phần 1;2;3 - Tiếng Anh chuyên ngành 1;2;3
7	Phòng 203: Phòng Lab	1		-Máy tính bàn. -Máy chiếu. -Tai nghe.	25 bộ 01 bộ 25 cái	Tiếng Anh học phần 1;2;3 - Tiếng Anh chuyên ngành 1;2;3

Việc giảng dạy từng môn học trong toàn bộ chương trình đào tạo sẽ được giảng viên thực hiện theo Đề cương chi tiết môn học do các Tổ chuyên môn thiết kế và xây dựng đã được Trường Khoa xem xét đề xuất, Ban Giám đốc Học viện thông qua. Đề cương môn học được cung cấp công khai cho sinh viên trước mỗi quá trình giảng dạy. Giảng viên tham gia giảng dạy được tuyển chọn kỹ lưỡng theo tiêu chuẩn của giảng viên Chương trình đào tạo chất lượng cao được Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định./.

Nơi nhận:

- Học viện CTQG HCM;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Ban Giám đốc Học viện;
- Như điều 3;
- Lưu: VT, ĐT.

Handwritten mark

GIÁM ĐỐC

Handwritten signature

PGS, TS. Trương Ngọc Nam